

HỘI SINH VIÊN TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHOA HỌC TỰ NHIÊN, ĐHQG-HCM
CÂU LẠC BỘ KỸ NĂNG

DANH SÁCH SINH VIÊN THAM GIA HOẠT ĐỘNG
HỌC KỲ 1, NĂM HỌC 2025 – 2026

- 1. Tên hoạt động:** Workshop Kỹ năng Tư duy thiết kế
- 2. Thời gian tổ chức:** 27/9/2025
- 3. Địa điểm tổ chức:** Phòng E105, Trường Đại học Khoa học tự nhiên, ĐHQG-HCM, Cở sở 2 (Khu đô thị ĐHQG-HCM)
- 4. Thông tin người phụ trách:** Phạm Hiếu Nghĩa – Thành viên Ban chủ nhiệm (SĐT: 090304613).

4. Danh sách sinh viên tham gia:

STT	MSSV	Họ và tên sinh viên	Khoa
1	25120017	Trang Trường An	Công nghệ Thông tin
2	25120019	Nguyễn Ngọc Mỹ Anh	Công nghệ Thông tin
3	25120021	Trần Hồng Anh	Công nghệ Thông tin
4	25120031	Huỳnh Nguyên Cương	Công nghệ Thông tin
5	25120041	Trần Hoàng Trí Dũng	Công nghệ Thông tin
6	25120045	Trần Minh Đông Dương	Công nghệ Thông tin
7	25120054	Võ Văn Hạnh	Công nghệ Thông tin
8	25120066	Nguyễn Phạm Gia Huy	Công nghệ Thông tin
9	25120161	Nguyễn Quốc Anh	Công nghệ Thông tin
10	25120361	Khúc Nguyễn Đăng Khoa	Công nghệ Thông tin
11	25120381	Bùi Quang Mạnh	Công nghệ Thông tin
12	25120422	Nguyễn Bá Phước	Công nghệ Thông tin
13	25120444	Bùi Minh Tiến	Công nghệ Thông tin
14	25120446	Nguyễn Trương Đức Tiến	Công nghệ Thông tin
15	25120449	Phạm Đức Toàn	Công nghệ Thông tin
16	25120458	Bùi Nguyễn Vĩnh Trường	Công nghệ Thông tin
17	25122045	Nguyễn Lê Khánh Toàn	Công nghệ Thông tin
18	25122058	Huỳnh Tường Ân	Công nghệ Thông tin
19	25122061	Trần Hoàng Huy Anh	Công nghệ Thông tin
20	25127023	Nguyễn Trần Kim Cương	Công nghệ Thông tin
21	25127077	Hồ Anh Khoa	Công nghệ Thông tin
22	25127101	Nguyễn Tuấn Nghĩa	Công nghệ Thông tin
23	25127202	Phạm Bạch Đăng Khoa	Công nghệ Thông tin
24	25127271	Trần Nguyễn Ngọc Anh	Công nghệ Thông tin
25	25127303	Doãn Mạnh Dũng	Công nghệ Thông tin
26	25127311	Nguyễn Hoàng Minh Duy	Công nghệ Thông tin
27	25127318	Huỳnh Thị Thanh Hà	Công nghệ Thông tin
28	25127335	Đặng Văn Hoàng	Công nghệ Thông tin
29	25127364	Huỳnh Văn Khang	Công nghệ Thông tin
30	25127383	Phạm Vũ Đăng Khoa	Công nghệ Thông tin

31	25127449	Trương Hạnh Nhi	Công nghệ Thông tin
32	25127484	Đàm Đình Quốc	Công nghệ Thông tin
33	25127499	Tô Phúc Thành	Công nghệ Thông tin
34	25127523	Lê Ngọc Quỳnh Trâm	Công nghệ Thông tin
35	25127553	Hoàng Đức Vinh	Công nghệ Thông tin
36	25160019	Nguyễn Thạch Chí Khang	Địa chất
37	25160039	Trần Thị Bích Trâm	Địa chất
38	25160047	Lý Trần Ngọc Vy	Địa chất
39	25160058	Lê Đức Anh	Địa chất
40	25160061	Lê Duy Bảo	Địa chất
41	25160062	Tạ Như Bình	Địa chất
42	25160073	Lê Quốc Hiếu	Địa chất
43	24200070	Nguyễn Trần Văn Hiếu	Điện tử Viễn thông
44	24200104	Trần Hồ Đăng Khoa	Điện tử Viễn thông
45	24207091	Trương Nguyễn Vĩ Hải	Điện tử Viễn thông
46	25200015	Huỳnh Thanh Duy	Điện tử Viễn thông
47	25200032	Nguyễn Văn Bá Khôi	Điện tử Viễn thông
48	25207010	Lâm Tấn Đạt	Điện tử Viễn thông
49	25207076	Nguyễn Thị Kim Ngọc	Điện tử Viễn thông
50	25300017	Phan Lâm Hoàng	Điện tử Viễn thông
51	25300018	Vũ Nam Khánh	Điện tử Viễn thông
52	25300025	Lê Nguyễn Hưng Phát	Điện tử Viễn thông
53	25300036	Nguyễn Thị Cẩm Thy	Điện tử Viễn thông
54	25300042	Trịnh Tấn Dĩ	Điện tử Viễn thông
55	25140041	Nguyễn Phương Linh	Hóa học
56	25140053	Đặng Đông Phát	Hóa học
57	25140062	Nguyễn Đan Thanh	Hóa học
58	25140097	Trần Huỳnh Ngọc Hào	Hóa học
59	25140117	Trần Ngọc Ngân	Hóa học
60	25140163	Quách Công Danh	Hóa học
61	25140182	Nguyễn Thùy Linh	Hóa học
62	25140196	Đặng Thành Đại Phát	Hóa học
63	25140226	Phan Thị Kim YẾN	Hóa học
64	25147116	Nguyễn Hoàng Thiên Kim	Hóa học
65	25247002	Phan Nhân Ái	Hóa học
66	25247011	Nguyễn Thái Bảo	Hóa học
67	25247022	Nguyễn Hoàng	Hóa học
68	25247036	Nguyễn Triệu Thảo My	Hóa học
69	25247043	Ngô Như	Hóa học
70	25247048	Trần Quốc Quý	Hóa học
71	25247093	Trần Thị Đài Trang	Hóa học
72	25310037	Nguyễn Anh Thư	Khoa học liên ngành
73	25310042	Tăng Ngọc Thủy Tiên	Khoa học liên ngành
74	25310049	Lương Thị Ngọc Anh	Khoa học liên ngành
75	25310050	Trương Hoài Đức	Khoa học liên ngành
76	25310052	Trần Thị Phụng Nhi	Khoa học liên ngành
77	25310053	Huỳnh Thuỵ Trúc Quỳnh	Khoa học liên ngành

78	25310062	Bùi Huỳnh Nhi	Khoa học liên ngành
79	24250047	Đỗ Huy Hoàng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
80	24250116	Mai Văn Việt	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
81	24250118	Lê Vũ Phúc Vy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
82	25250008	Nguyễn Bá Đức Duy	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
83	25250044	Vũ Ngọc Nga	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
84	25250047	Đinh Ngọc Tuấn Nghĩa	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
85	25250053	Tạ Mỹ Nhi	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
86	25250056	Nguyễn Phan Phi Phụng	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
87	25250062	Nguyễn Võ Mai Quỳnh	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
88	25250066	Đinh Minh Tài	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
89	25250101	Phạm Ngọc Thiên Thu	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
90	25250107	Trần Như Ý	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
91	25250112	Phan Trường An	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
92	25250138	Dương Quang Phúc	Khoa học và Công nghệ Vật liệu
93	25170004	Nguyễn Thị Ngọc Anh	Môi Trường
94	25170019	Nguyễn Hoàng Gia Hân	Môi Trường
95	25170038	Nguyễn Thị Hà Linh	Môi Trường
96	25170039	Phạm Mai Linh	Môi Trường
97	25170043	Bùi Đức Bình Minh	Môi Trường
98	25170051	Võ Hoàng bảo Nghi	Môi Trường
99	25170064	Nguyễn Hoàng Minh Phúc	Môi Trường
100	25170101	Phan Ngọc Bảo Nhi	Môi Trường
101	25170127	Lê Nguyễn Hoàng Nam	Môi Trường
102	25170134	Ngô Công Tài	Môi Trường
103	25170142	Nguyễn Ngọc Bảo Trâm	Môi Trường
104	25177053	Nguyễn Văn Phát	Môi Trường
105	25290031	Nguyễn Yên Nhi	Môi Trường
106	25290043	Trần Nguyễn Thanh Thảo	Môi Trường
107	25290051	Dương Thị Thanh Vân	Môi Trường
108	25290058	Lê Nguyễn Ngọc Nhi	Môi Trường
109	23180050	Phạm Nhất Quỳnh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
110	25150011	Nguyễn Chí Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
111	25150018	Trần Hạnh Dung	Sinh học - Công nghệ Sinh học
112	25150029	Võ Thị Bảo Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
113	25150063	Nguyễn Mỹ Minh Ngọc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
114	25150081	Nguyễn Thị Kim Quyên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
142	25150102	Phạm Ngọc Thủy Tiên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
115	25150104	Đào Nguyễn Ngọc Huyền Trân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
116	25150111	Lê Nguyễn Thanh Trúc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
117	25150158	Phạm Thái Bảo	Sinh học - Công nghệ Sinh học
118	25157011	Phạm Ngọc Hân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
119	25157036	Nguyễn Ngọc Thủy Tiên	Sinh học - Công nghệ Sinh học
120	25157047	Phạm Thị Thùy Linh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
121	25157064	Nguyễn Văn Nghĩa	Sinh học - Công nghệ Sinh học
122	25157081	Phạm Hoàng Thanh Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
123	25180009	Phạm Nguyễn Minh Anh	Sinh học - Công nghệ Sinh học

124	25180067	Lưu Phạm Thành Sang	Sinh học - Công nghệ Sinh học
125	25180078	Nguyễn Thị Kiều Thom	Sinh học - Công nghệ Sinh học
126	25180100	Nguyễn Võ Thủy Trúc	Sinh học - Công nghệ Sinh học
127	25180107	Trần Thị Trà Vinh	Sinh học - Công nghệ Sinh học
128	25180143	Nguyễn Phạm Phước Ngân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
129	25180155	Nguyễn Phạm Minh Minh Tâm	Sinh học - Công nghệ Sinh học
130	25180188	Nguyễn Thị Cẩm Hằng	Sinh học - Công nghệ Sinh học
131	25180192	Trần Trọng Kha	Sinh học - Công nghệ Sinh học
132	25180212	Trần Huyền Tâm Như	Sinh học - Công nghệ Sinh học
133	25187062	Nguyễn Ngô Ngọc Thạch	Sinh học - Công nghệ Sinh học
134	25187071	Lê Bảo Trân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
135	25187081	Cao Nguyễn Ngọc Hạnh Vy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
136	25187085	Trần Mai Thảo Vy	Sinh học - Công nghệ Sinh học
137	25187127	Dương Thiện An	Sinh học - Công nghệ Sinh học
138	25187131	Dương Minh Châu	Sinh học - Công nghệ Sinh học
139	25180089	Tạ Nguyễn Ai Trân	Sinh học - Công nghệ Sinh học
140	24187146	Trương Thị Anh Thư	Sinh học - Công nghệ Sinh học
141	24280053	Lê Minh Cường	Toán - Tin học
143	25110071	Lý Thiên Long	Toán - Tin học
144	25110169	Võ Long Nhật Minh	Toán - Tin học
145	25110197	Hứa Hoàng Thùy Dương	Toán - Tin học
146	25110221	Hoàng Phước Nguyên	Toán - Tin học
147	25280012	Phan Văn Đạt	Toán - Tin học
148	25280018	Hà Việt Hoàng	Toán - Tin học
149	25280047	Huỳnh Tú Toàn	Toán - Tin học
150	25280050	Nguyễn Thế Vinh	Toán - Tin học
151	25280052	Đặng Huỳnh Khánh Vy	Toán - Tin học
152	25280094	Phạm Thế Anh	Toán - Tin học
153	25280101	Lê Nguyễn Minh Hiếu	Toán - Tin học
154	25280103	Nguyễn Hoàng Minh Hiếu	Toán - Tin học
155	24130002	Đinh Lê Bảo Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
156	25130008	Nguyễn Tấn Cao Huy	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
157	25130020	Trịnh Doãn Bách	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
158	25130037	Lâm Chí Hiên	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
159	25130061	Hà Phạm Nguyên Khôi	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
160	25130062	Lê Minh Khôi	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
161	25130068	Nguyễn Tấn Lộc	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
162	25130090	Khuông Nguyễn Minh Quân	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
163	25130148	Trần Ngọc Như Quỳnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
164	25130149	Nguyễn Quang Sơn	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
165	25130151	Lê Kiên Trung	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
166	25130166	Bùi Mạnh Cường	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
167	25130173	Lê Phúc Đạt	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
168	25130232	Trịnh Quốc Minh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
169	25130256	Nguyễn Thái Tấn	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
170	25130259	Trương Phú Gia Thiện	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
171	25130265	Huỳnh Thái Toàn	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật

172	25130268	Nguyễn Minh Trí	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
173	25137047	Nguyễn Hoàng Nam	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
174	25137088	Trần Minh Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
175	25137133	Nguyễn Phạm Duy Tâm	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
176	25260019	Nguyễn Anh Ngọc	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
177	25260026	Huỳnh Ngọc Gia Tĩnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
178	25260030	Lương Nhật Vy	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
179	25260031	Đặng Ngọc Lan Anh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
180	25260033	Cao Ngọc Như	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
181	25260035	Hồ Mai Phương Quỳnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật
182	25260051	Hà Như Quỳnh	Vật lý - Vật lý Kỹ thuật

Danh sách gồm có **182** sinh viên./.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 9 năm 2025

**TM. BCN CÂU LẠC BỘ KỸ NĂNG
CHỦ NHIỆM**

Người lập bảng

Trần Văn Linh

Phạm Hiếu Nghĩa